

Số: 698/QĐ-ĐHKTYDDN

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc khen thưởng tập thể lớp và sinh viên các lớp đại học chính quy,
năm học 2024 – 2025 (đợt 2)

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT Y - DƯỢC ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 595/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 05/NQ-HĐT ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng; Nghị quyết số 21/NQ-HĐT ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng trường về việc sửa đổi khoản 2 Điều 10 của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-ĐHKTYDDN ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng Nhà trường về việc ban hành Quy định trích lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ người học của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng;

Căn cứ biên bản họp ngày 05 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng xét khen thưởng cho sinh viên các lớp đại học chính quy năm học 2024 -2025 (đợt 2);

Theo đề nghị của Trưởng các phòng: Công tác chính trị và Quản lý sinh viên và Tài chính - Kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

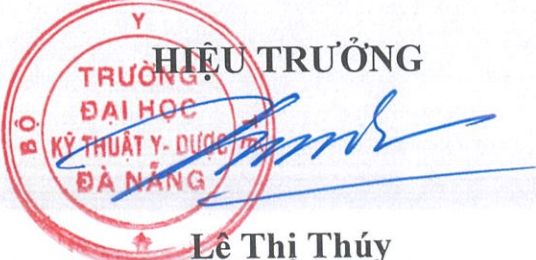
Điều 1. Tặng giấy khen của Hiệu trưởng Nhà trường cho 01 tập thể lớp đạt danh hiệu tiên, 03 sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc và 102 cá nhân đạt danh hiệu sinh viên Giỏi năm học 2024 - 2025 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Kinh phí khen thưởng, chi theo Quyết định số 652/QĐ-ĐHKTYDDN ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy định trích lập và sử dụng Quỹ hỗ trợ người học của Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng.

Điều 3. Các đơn vị liên quan và sinh viên có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, P. CTCT&QLSV.

**HIỆU TRƯỞNG**
Lê Thị Thúy

**DANH SÁCH TẬP THỂ LỚP VÀ CÁ NHÂN SINH VIÊN CÁC LỚP ĐẠI HỌC
CHÍNH QUY ĐƯỢC KHEN THƯỞNG NĂM HỌC 2024 - 2025 (ĐỢT 2)**

(Kèm theo Quyết định số 698/QĐ-ĐHKTYĐĐN, ngày 09 tháng 9 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng)

TT	MSSV	Họ tên	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
A. ĐẠT DANH HIỆU LỚP SINH VIÊN TIÊN TIẾN NĂM HỌC 2024 - 2025							
1	Tập thể lớp Đại học Y khoa 8C						
B. ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN XUẤT SẮC NĂM HỌC 2024 - 2025							
1	2253010042	Hồ Thị Khánh Huyền	ĐH ĐD 10A	9.1	94	XS	
2	2256010041	Thái Thị Hồng Liên	ĐH KT XNYH 10A	9.0	96	XS	
3	2251010021	Lê Văn Bình	ĐH YK 08C	9.0	98	XS	
C. ĐẠT DANH HIỆU SINH VIÊN GIỎI NĂM HỌC 2024 - 2025							
1	2051010097	Lê Tấn Anh Nguyên	ĐH YK 06A	8.58	94	G	
2	2051010051	Trần Xuân Hưng	ĐH YK 06A	8.58	89	G	
3	2051010087	Hồ Thị Khánh Ngân	ĐH YK 06A	8.22	96	G	
4	2051010074	Nguyễn Thành Luân	ĐH YK 06B	8.64	92	G	
5	2051010062	Hoàng Lịch	ĐH YK 06B	8.10	90	G	
6	2051010104	Nguyễn Thị Yến Nhi	ĐH YK 06C	8.81	95	G	
7	2051010175	Đỗ Ngọc Thoại Vi	ĐH YK 06C	8.63	95	G	
8	2151010169	Võ Đông Anh Tuấn	ĐH YK 07A	8.6	98	G	
9	2151010079	Phạm Minh Mẫn	ĐH YK 07A	8.4	96	G	
10	2151010184	Trần Hiếu Yên	ĐH YK 07A	8.4	96	G	
11	2151010095	Nguyễn Huỳnh Ngân	ĐH YK 07B	8.6	95	G	
12	2151010056	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	ĐH YK 07B	8.4	95	G	
13	2151010149	Tổng Nguyễn Minh Thư	ĐH YK 07B	8.3	96	G	
14	2151010147	Nguyễn Hiền Thư	ĐH YK 07C	8.8	96	G	
15	2151010111	Phạm Thị Kim Nhung	ĐH YK 07C	8.7	96	G	
16	2152010109	Lương Vân Như	ĐH Dược học 9A	8.6	85	G	
17	2152010123	Nguyễn Phạm Thu Phương	ĐH Dược học 9A	8.6	84	G	
18	2152010112	Hồ Thị Hằng Ni	ĐH Dược học 9B	8.4	95	G	
19	2152010143	Nguyễn Thị Phương Thảo	ĐH Dược học 9B	8.1	94	G	
20	2152010121	Đặng Thị Nhã Phương	ĐH Dược học 9C	8.4	92	G	
21	2152010055	Trịnh Minh Huy	ĐH Dược học 9C	8.4	92	G	
22	2253010028	Đoàn Thị Mỹ Hằng	ĐH ĐD 10A	8.9	94	G	
23	2253010083	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	ĐH ĐD 10A	8.7	94	G	
24	2253010144	Trần Nguyễn Vân Trinh	ĐH ĐD10B	8,8	94	G	

Handwritten signature

TT	MSSV	Họ tên	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
25	2253010067	Hồ Thị Nga	ĐH ĐD 10C	8.7	91	G	
26	2253010037	Hồ Thị Minh Hoàng	ĐH ĐD 10C	8.1	91	G	
27	2253010130	Lê Thị Anh Thy	ĐH ĐD 10D	8.3	93	G	
28	2253010064	Lương Trà My	ĐH ĐD10E	8,9	91	G	
29	2256010077	Nguyễn Thành Song	ĐH KT XNYH 10A	8.8	93	G	
30	2256010068	Lê Duy Phong	ĐH KT XNYH 10B	9.1	88	G	
31	2256020041	Nguyễn Văn Thảo	ĐH KT HAYH 09	8.4	94	G	
32	2256020014	Huỳnh Viêt Duy Hiệu	ĐH KT HAYH 09	8.1	95	G	
33	2256030013	Phạm Thị Mỹ Hạnh	ĐH KTPHCN 09 VLTL	9.0	88	G	
34	2256030005	Nguyễn Trịnh Văn Chiến	ĐH KTPHCN 09 NNNTL	8.9	87	G	
35	2252010143	Nguyễn Thị Thúy Trang	ĐH Dược học 10A	8.6	96	G	
36	2252010145	Phan Lê Thùy Trang	ĐH Dược học 10A	8.5	98	G	
37	2252010029	Nguyễn Hùng Nhật Duy	ĐH Dược học 10A	8.1	96	G	
38	2252010098	Phạm Mai Châu Phương	ĐH Dược học 10B	8.7	98	G	
39	2252010166	Nguyễn Thị Vy	ĐH Dược học 10B	8.6	96	G	
40	2252010086	Trương Lê Ngọc Nhi	ĐH Dược học 10B	8.0	97	G	
41	2251010130	Ngô Thị Mai Phương	ĐH YK 08A	8.9	95	G	
42	2251010169	Lê Thị Bích Trâm	ĐH YK 08A	8.6	91	G	
43	2251010185	Nguyễn Thị Yên Vân	ĐH YK 08B	8.9	95	G	
44	2151010002	Đỗ Thị Phương Anh	ĐH YK 08B	8.8	96	G	
45	2251010086	Phạm Thị Xuân Linh	ĐH YK 08C	8.4	96	G	
46	2353011090	Man Đức Quân	ĐH ĐD 11A	8.9	86	G	
47	2353011100	Trần Thị Thu Sang	ĐH ĐD 11A	8.5	97	G	
48	2353011150	Phạm Tường Vy	ĐH ĐD 11A	8.5	92	G	
49	2353011073	Nguyễn Ngọc Thảo Nguyên	ĐH ĐD 11B	8.5	95	G	
50	2353011019	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	ĐH ĐD 11B	8.5	86	G	
51	2353011089	Trần Minh Quang	ĐH ĐD 11B	8.4	84	G	
52	2353012014	Trần Kiêm Khoa	ĐH ĐD 11C	8.2	95	G	
53	2353012033	Nguyễn Thị Thúy Quỳnh	ĐH ĐD 11C	8.0	92	G	
54	2353013013	Nguyễn Thị Ngọc Mai	ĐH ĐD 11D	8.7	96	G	
55	2353013033	Lê Tấn Thông	ĐH ĐD 11D	8.7	88	G	
56	2356010083	Phan Quỳnh Tuyết Nhi	ĐH KT XNYH 11A	8.7	92	G	
57	2356010026	Phan Thị Hương Giang	ĐH KT XNYH 11A	8.7	88	G	
58	2356010156	Nguyễn Như Ý	ĐH KT XNYH 11B	8.3	97	G	
59	2356010090	Phan Xuân Phát	ĐH KT XNYH 11B	8.0	91	G	
60	2356020027	Phan Thanh Nhật	ĐH KT HAYH 10	8.1	85	G	
61	2356030092	Huỳnh Thị Thanh Trúc	ĐH KT PHCN 10A(VLTL)	8.6	93	G	
62	2356030081	Hồ Thị Thùy Trang	ĐH KT PHCN 10A(VLTL)	8.5	96	G	
63	2356030046	Lê Thị Minh Nguyệt	ĐH KT PHCN 10A(VLTL)	8.5	94	G	
64	2356030023	Đỗ Ngọc Hân	ĐH KT PHCN 10B(NNNTL)	8.7	93	G	

TT	MSSV	Họ tên	Lớp	Học tập	Rèn luyện	Xếp loại	Ghi chú
65	2352010141	Nguyễn Minh Phương	ĐH Dược học 11A	8.9	96	G	
66	2352010049	Ngô Văn Hoàng	ĐH Dược học 11A	8.7	87	G	
67	2352010065	Huỳnh Nguyễn Như Lan	ĐH Dược học 11A	8.6	86	G	
68	2352010099	Trần Võ Uyên Ngân	ĐH Dược học 11B	8.3	94	G	
69	2352010036	Hoàng Thị Hồng Hạnh	ĐH Dược học 11B	8.3	89	G	
70	2352010032	Phạm Đoàn Khánh Đoàn	ĐH Dược học 11B	8.2	87	G	
71	2352010066	Trang Hồ Tuệ Lâm	ĐH Dược học 11C	8.9	82	G	
72	2352010051	Lê Quang Huy	ĐH Dược học 11C	8.7	88	G	
73	2352010063	Trương Thị Mỹ Khánh	ĐH Dược học 11C	8.5	93	G	
74	2351010048	Trần Mỹ Hà	ĐH YK 09A	8.4	90	G	
75	2351010209	Dương Thị Anh Thư	ĐH YK 09B	8.3	92	G	
76	2351010125	Trần Thị Hoài My	ĐH YK 09B	8.3	87	G	
77	2351010028	Nguyễn Thị Tuyết Dung	ĐH YK 09C	8.7	98	G	
78	2351010076	Phạm Thị Bích Huyền	ĐH YK 09C	8.4	97	G	
79	2351010230	Đặng Công Trường	ĐH YK 09D	8.3	97	G	
80	2351010118	Nguyễn Thục Miên	ĐH YK 09D	8.3	95	G	
81	2453011102	Nguyễn Hồ Như Ngọc	ĐH ĐD 12A	8.4	93	G	
82	2453011082	Ngô Thị Luyên	ĐH ĐD 12B	8.0	83	G	
83	2456010019	Nguyễn Thị Thúy Diễm	ĐH KTXNYH 12A	8.6	91	G	
84	2456010129	Trần Mỹ Trúc	ĐH KTXNYH 12A	8.3	95	G	
85	2456010111	Trần Thị Thanh Thảo	ĐH KTXNYH 12B	8.2	84	G	
86	2456030019	Dương Quốc Cường	ĐH KT PHCN 11B(NNTL)	8.9	92	G	
87	2452010208	Lê Thị Thúy Vy	ĐH Dược học 12A	8.8	93	G	
88	2452010206	Lê Trương Thảo Vi	ĐH Dược học 12A	8.2	92	G	
89	2452010176	Huỳnh Ngô Gia Tiến	ĐH Dược học 12A	8.1	93	G	
90	2452010080	Võ Nguyễn Khánh Linh	ĐH Dược học 12B	8.6	87	G	
91	2452010032	Nguyễn Bình Giang	ĐH Dược học 12B	8.5	96	G	
92	2452010111	Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi	ĐH Dược học 12B	8.5	91	G	
93	2452010131	Trần Thị Ny	ĐH Dược học 12C	8.8	89	G	
94	2452010125	Nguyễn Trần Thanh Như	ĐH Dược học 12C	8.0	91	G	
95	2451010174	Hồ Thị Minh Phượng	ĐH YK 10A	8.1	88	G	
96	2451010068	Phan Nguyễn Thảo Hiền	ĐH YK 10A	8.1	87	G	
97	2451010197	Lê Phương Thảo	ĐH YK 10B	8.5	88	G	
98	2451010069	Đỗ Minh Hiền	ĐH YK 10B	8.3	87	G	
99	2451010078	Nguyễn Thị Huệ	ĐH YK 10C	8.5	87	G	
100	2451010065	Nguyễn Đại Hân	ĐH YK 10C	8.3	93	G	
101	2451010223	Mai Thị Thùy Trang	ĐH YK 10D	8.6	93	G	
102	2451010055	Nguyễn Dạ Hương Giang	ĐH YK 10D	8.0	88	G	

2/1

